

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 06-5-2022
“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Trân;
2. Bà Lương Thị Kim Ngân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2021/TLST- DS ngày 17/5/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS ngày 19/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu L, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp H, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1950. Nơi cư trú: ấp T, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: ấp T, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Phan Văn N, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: ấp H, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

4.2. Ang Nguyễn Tuấn K, sinh năm 2000; địa chỉ cư trú: ấp H, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu L trình bày: Bà Võ Thị Đ có vay của bà L số tiền 169.000.000 đồng và bà Đ có lẫn tay vào 02 biên nhận nợ như sau: Biên nhận 12/8/2020 bà Đ ký nhận 117.000.000 đồng, phần này bà Đ nhận 05 đợt bà L có ghi vào sổ như sau: Đợt 01 ngày 13/4/2020 vay 50.000.000 đồng, đợt 02 ngày 15/5/2020 vay 17.000.000 đồng, đợt 03 ngày 20/6/2020 vay 20.000.000 đồng, đợt 04 ngày 16/7/2020 vay 12.000.000 đồng, đợt 05 ngày 12/8/2020 vay 18.000.000 đồng. Đối với biên nhận ngày 06/9/2020 thì bà Đ đến vay thêm 52.000.000 đồng. Đối với lãi suất thì hai bên thỏa thuận 3% tháng, hình thức nộp lãi hàng tháng, khi đó bà Đ có nộp cho bà L được 03 tháng lãi, thực tế bà Đ vay số tiền đến 50.000.000 đồng, bà Đ nộp cho bà L 03 tháng lãi nêu trên, sau đó bà Đ hứa bán đất cho bà Loan thì tôi không tính lãi nữa. Bà L yêu cầu bà Đ trả vốn 169.000.000 đồng và lãi suất từ khi vay đến nay (có trừ đi 03 tháng lãi mà bà Đ nộp trước đây, mỗi tháng bà Đ nộp cho bà L 1.500.000 đồng trên số vốn 50.000.000 đồng vốn). Bà L thừa nhận có giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02787. QSDĐ/ID, ngày 15/10/2001 do bà Võ Thị Đ đứng tên.

- Bà Võ Thị Đ trình bày: Bà Đ khẳng định bà chỉ vay dùm cho bà N 01 lần của bà L số tiền 35.000.000 đồng và có lẫn tay vào biên nhận 35.000.000 đồng chứ ngoài ra bà không lẫn tay vào biên nhận nào cả, biên nhận bà Đ lẫn tay với bà L bà không nhớ ngày tháng, bà Đ chỉ nhớ vào năm 2019. Tiền vay của bà L bà giao cho bà N và hàng tháng bà N nộp lãi cho bà L, lãi suất bao nhiêu bà Đ không biết và bà N nộp lãi cho bà L bao nhiêu thì bà không biết. Ngoài ra bà không nhận tiền vay nào thêm của bà L cả. Bà Đ không đồng ý trả số tiền vay 169.000.000 đồng và lãi suất cho bà L theo yêu cầu của bà L. Đối với số tiền 35.000.000 đồng bà Đ vay của bà L dùm cho bà N thì bà Đ yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho bà L vì hàng tháng bà N đã nộp lãi cho bà L. Bà Đ yêu cầu bà Phạm Thị Thu L trả lại cho bà Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Đ đứng tên mà trước đây bà N mượn của bà Đ để thế chấp cho bà L.

- Bà Trương Thị N trình bày: Bà N thừa nhận bà Võ Thị Đ có vay của bà Phạm Thị Thu L 35.000.000 đồng dùm cho bà và N đã nhận tiền này từ tay bà Đ, bà N không có vay tiền của bà L, giữa bà N với bà L không có quan hệ gì cả. Về lãi thì bà N phải nộp trực tiếp cho bà L hàng ngày, mỗi ngày nộp lãi cho bà L 350.000 đồng. Về lãi suất bà L tính lãi 10.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, bà N đã nộp lãi cho bà L rất nhiều còn cụ thể bao nhiêu bà N không nhớ. Bà N đồng ý trả cho bà Võ Thị Đ 35.000.000 đồng tiền bà Đ vay dùm cho bà, còn bà Đ trả cho bà L thế nào thì tùy bà Đ.

- Người làm chứng:

+ Ông Phan Văn N trình bày: Ông N khẳng định ông viết dùm tờ biên nhận ngày 12/8/2020 có bà Võ Thị Đ lẫn tay và bà Trương Thị N lẫn tay làm chứng trong biên nhận. Bà Đ với bà L cộng sổ với nhau, khi đó ông N đến rửa xe thì bà L nhờ ông viết dùm biên nhận.

+ Anh Nguyễn Tuấn K trình bày: Anh K viết dùm biên nhận ngày 06/9/2020 do bà Đ lẫn tay và bà N lẫn tay chứng kiến, khi đó bà L giao tiền cho bà Đ số tiền

52.000.000 đồng cộng với biên nhận 12/8/2020 thành tổng số tiền 169.000.000 đồng. Ngoài ra anh K không biết gì thêm.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành.

Kết luận giám định số 31/KLGT- PC09(ĐV), ngày 15/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang đã kết luận “Dấu vân tay màu đỏ in tại vị trí viết tên Võ Thị Đ, dưới mục người nhận tiền, trên 02 (hai) biên nhận ngày 12/8/2020 và ngày 06/9/2020, ký hiệu TLCGD: A1, A2 so với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải trên chỉ bản lập ngày 28/10/2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang viết tên Võ Thị Đ, sinh năm 1950, nơi cư trú: ấp T, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, ký hiệu TLMSS;M là của cùng một người in ra”.

Hội đồng xét xử công bố: kết luận giám định số 31/KLGT- PC09(ĐV), ngày 15/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, Bà L, bà Đ, bà N giữ nguyên yêu cầu và quan điểm.

Bà Phạm Thị Thu L, bà Võ Thị Đ và Bà Trương Thị N xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Thu L với bà Võ Thị Đ Hợp đồng vay tài sản với nhau, có ký giấy nợ vào ngày 12/8/2020 và ngày 06/9/2020, việc bà Đ nợ bà L có kết luận giám định số 31/KLGT- PC09(ĐV), ngày 15/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang. Yêu cầu của bà Phạm Thị Thu L là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà Võ Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà L 164.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Võ Thị Đ, sinh năm 1950. Nơi cư trú: ấp T, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết.

Vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị Thu L với bà Võ Thị Đ, đôi bên có ký biên nhận nợ trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận được pháp luật xem xét và bảo vệ.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị Thu L cho rằng bà Võ Thị Đ có vay của bà L 02 đợt bằng tổng số tiền 169.000.000 đồng và bà Đ có lần tay vào 02 biên nhận nợ như sau: Biên nhận 12/8/2020 bà Đ ký nhận 117.000.000 đồng, phần này bà Đ nhận 05 lần bà L có ghi vào sổ cụ thể, nhưng do bà Đ kêu bỏ sổ sợ bà L sau này cộng vào sổ nên bà L đã bỏ. Đối với biên nhận ngày 06/9/2020 bà Đ đến vay thêm 52.000.000 đồng, bà Đ lần tay có bà N lần tay nhân chứng. Đối với lãi suất thì hai bên thỏa thuận 3% tháng, hình thức nộp lãi hàng tháng, khi đó bà Đ có nộp cho bà L được 03 tháng lãi bằng số tiền 4.500.000 đồng/ số vốn 50.000.000 đồng, sau đó bà Đ hứa bán đất cho bà L thì bà L không tính lãi nữa. Bà L yêu cầu bà Đ trả cho bà L vốn 169.000.000 đồng và lãi suất từ khi vay đến nay (có trừ đi 03 tháng lãi mà bà Đ nộp trước đây, mỗi tháng bà Đ nộp cho bà L 1.500.000 đồng trên số vốn 50.000.000 đồng).

Bà Đ khẳng định bà chỉ vay dùm cho bà N 01 lần của bà L số tiền 35.000.000 đồng và có lần tay vào biên nhận 35.000.000 đồng chứ ngoài ra bà không lần tay vào biên nhận nào cả, biên nhận bà Đ lần tay với bà L bà không nhớ ngày tháng, bà Đ chỉ nhớ vào năm 2019. Tiền vay của bà L bà giao cho bà N và hàng tháng bà N nộp lãi cho bà L, lãi suất bao nhiêu bà Đ không biết và bà N nộp lãi cho bà L bao nhiêu thì bà không biết. Ngoài ra bà không nhận tiền vay nào thêm của bà L cả. Nay bà Đ không đồng ý trả số tiền 169.000.000 đồng vốn và lãi suất cho bà L theo yêu cầu của bà L. Đối với số tiền 35.000.000 đồng bà Đ vay của bà L dùm cho bà N thì bà Đ yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho bà L vì hàng tháng bà N đã nộp lãi cho bà L.

Về chứng cứ bà L yêu cầu giám định dấu vân tay của bà Đ trong 02 biên nhận ngày 12/8/2020 và biên nhận ngày 06/9/2020, bà Đ đồng ý giám định. Kết luận giám định số 31/KLGT- PC09(ĐV), ngày 15/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang đã kết luận “Dấu vân tay màu đỏ in tại vị trí viết tên Võ Thị Đ, dưới mục người nhận tiền, trên 02 (hai) biên nhận ngày 12/8/2020 và ngày

06/9/2020, ký hiệu TLCGD: A1, A2 so với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải trên chỉ bản lập ngày 28/10/2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang viết tên Võ Thị Đ, sinh năm 1950, nơi cư trú: ấp T, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, ký hiệu TLMSS;M là của cùng một người in ra”.

Ngoài ra người làm chứng ông Phan Văn N và anh Nguyễn Tuấn K đều khẳng định đã viết dùm biên nhận nợ cho bà Võ Thị Đ vay tiền của bà Phạm Thị Thu L vào ngày 12/8/2020 và ngày 06/9/2020.

Như vậy đã có đủ căn cứ để khẳng định bà Võ Thị Đ có vay của bà Phạm Thị Thu L theo 02 biên nhận 12/8/2020 bà Đ ký nhận 117.000.000 đồng và biên nhận ngày 06/9/2020 bà Đ vay của bà Loan 52.000.000 đồng bằng tổng số tiền 169.000.000 đồng. Bà Đ có lỗi với bà L, làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà L. Bà L yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả số nợ trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trước phiên tòa hôm nay; bà Phạm Thị Thu L đồng ý trừ số tiền trước đây bà Đ đã nộp lãi cho bà L 4.500.000 đồng vào số vốn 169.000.000 đồng, như vậy số nợ bà Đ có trách nhiệm trả cho bà L là 164.500.000 đồng.

Đối với lãi suất; tại phiên tòa hôm nay bà L xin rút lại, không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay 169.000.000 đồng với bà Đ, xin rút yêu cầu tính lãi của bà L là hợp lý được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ.

Việc thanh toán nợ cụ thể thế nào Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong bản án này mà khi án có hiệu lực pháp luật sẽ do cơ quan Thi hành án xét giải quyết.

Về chi phí giám định: Theo phiếu thanh toán bồi dưỡng giám định số 31/KLGD/PC09 (ĐV) ngày 18/01/2022, của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang đã thu số tiền 2.550.000 đồng, tiền này bà Phạm Thị Thu L đã tạm ứng, do bà Võ Thị Đ có lỗi nên bà Đ phải chịu chi phí giám định và bà Đ có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L. Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị Thu L tự nguyện chịu tiền chi phí giám định 2.550.000 đồng, xét thấy hợp lý được Hội đồng xét xử công nhận.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02787. QSDĐ/ID, ngày 15/10/2001 của bà Võ Thị Đ, hiện bà Phạm Thị Thu L đang giữ. Xét thấy do các bên không đăng ký giao dịch đảm bảo việc thế chấp tài sản tại Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Do đó, bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Đ theo quy định.

Việc bà Đ cho rằng vay tiền của bà L dùm cho bà N, bà L không thừa nhận, bà N thừa nhận. Bà Đ chỉ yêu cầu bà N trả cho bà L nhưng không được bà L đồng ý, bà Đ không có yêu cầu đối với bà N trả cho bà nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau này bà Đ có quyền khởi kiện bà N trong vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Võ Thị Đ có lỗi với bà L lẽ ra bà Đ phải chịu tiền án phí theo quy định. Do bà Đ là người cao tuổi và bà Đ có đơn xin miễn đề ngày 05/5/2022, nên bà Võ Thị Đ được xét miễn toàn bộ. Bà Phạm Thị Thu L được hoàn lại 4.225.000 đồng (bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0002422 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Bà Trương Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; điểm đ Khoản 1 Điều 12 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thu L.

- Buộc Võ Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thu L 164.500.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm nghìn).

- Công nhận bà Phạm Thị Thu L tự nguyện chịu 2.550.000 đồng chi phí giám định (đã nộp xong).

- Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị Thu L về yêu cầu tính lãi suất đối với tiền vay bà Võ Thị Đ đã vay của bà Loan.

- Bà Phạm Thị Thu L có nghĩa vụ trả lại cho bà Võ Thị Đ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02787. QSDĐ/ID, cấp ngày 15/10/2001 do bà Võ Thị Đ đứng tên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Đ được xét miễn toàn bộ. Bà Phạm Thị Thu L được hoàn lại 4.225.000 đồng (bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0002422 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Bà Trương Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm..

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật,(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu tòa xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Minh